

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 3- 2019

“V/v tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;

2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông H Đình Lưỡng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX - ST ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn D, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 516, ấp L, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 516, ấp L, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn- ông Trương Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự quen biết rồi tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bà H thiếu quan tâm đến gia đình, có nhiều khoảng cách trong cuộc sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Ông đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không hàn gắn được, nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Trương Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1995 hiện đã trưởng thành và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh; Trương Thị Hồng G, sinh năm: 1997 đã trưởng thành và đang theo học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. Hiện các con chung đều đã thành niên và tự lao động được nên ông không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn- bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng ông D trình bày là đúng nhưng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa ông D và bà là do ông D thường xuyên bỏ nhà đi và có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông D không sửa đổi. Bà đã cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, bà đồng ý ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà trình bày ông bà 02 con chung tên Trương Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1995 và Trương Thị Hồng G, sinh năm: 1997 như ông D trình bày. Hiện các con chung đều đã thành niên và tự lao động được nên bà không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Nguyên đơn và bị đơn tham chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm về tố tụng của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng. Về con chung: chị Nhung và chị Gấm đã thành niên, tự lao động sinh sống được, ông D và bà H không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Án phí: ông D phải chịu theo quy định, bà H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông D khởi kiện yêu cầu giải quyết yêu cầu ly hôn với bà H, bà H có nơi cư trú tại ấp L, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống từ năm 1992 cho đến nay ông D và bà H không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy cần tuyên bố không công nhận ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông D và bà H có 02 con chung tên Trương Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1995; Trương Thị Hồng G, sinh năm: 1997 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về tài sản chung: Ông D và bà H không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Trương Văn D phải chịu án phí 300.000 đồng theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H có 02 con chung tên Trương Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1995; Trương Thị Hồng G, sinh năm: 1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về tài sản chung: Ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Ông Trương Văn D chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021799 ngày 04 - 01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí ông Trương Văn D đã thi hành xong. Bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y